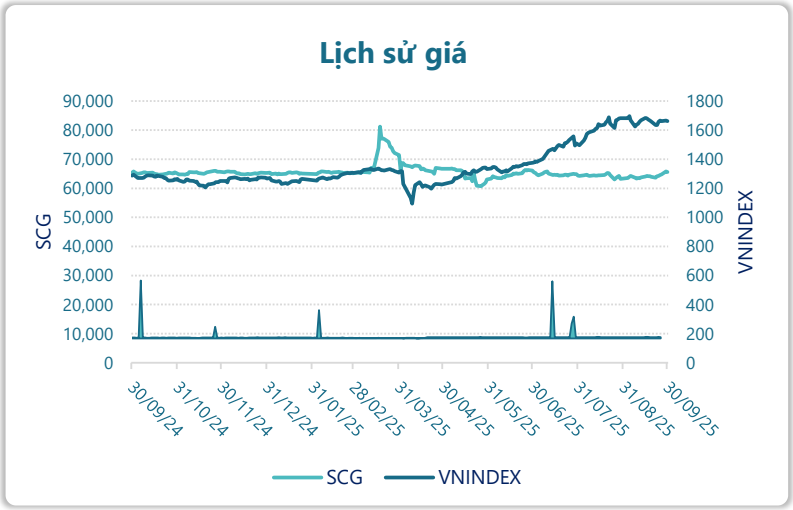
CTCP Tập đoàn Xây dựng SCG (HNX: SCG)



Thông tin giao dịch	30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	**65,600**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	81,200
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	60,700
SL cổ phiếu LH	85,000,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	122,585
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	5,576
P/E	27.0
EPS	2,432

DT thuần

Q3/25

1,301

tỷ VNĐ

QoQ: ▼474| -26.7%

YoY: ▲ 624| 92.2%

LN sau thuế

Q3/25

72.1

tỷ VNĐ

QoQ: ▼22.8| -24.0%

YoY: ▲ 35.0| 94.4%

Tỷ suất lãi EBIT

Q3/25

14.3%

+/- YoY: ▼ 3.9%

DT thuần

9T 2025

3,339

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 1,943| 139%

LN sau thuế

9T 2025

178

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 49.0| 37.9%

ROE

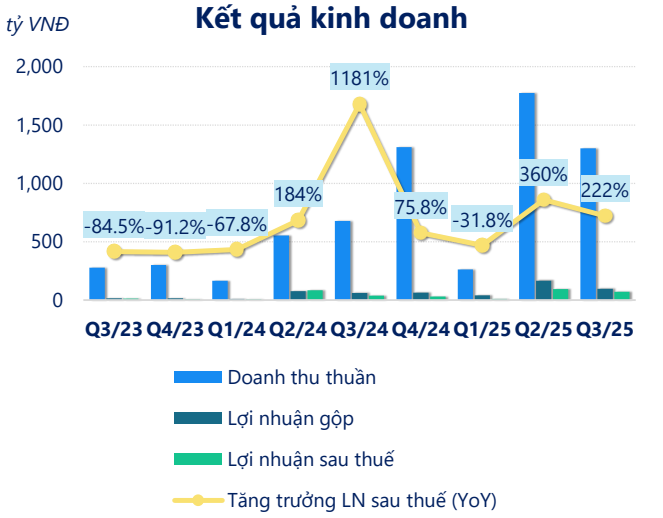
Q3/25

14.6%

+/- YoY: ▲ 3.5%

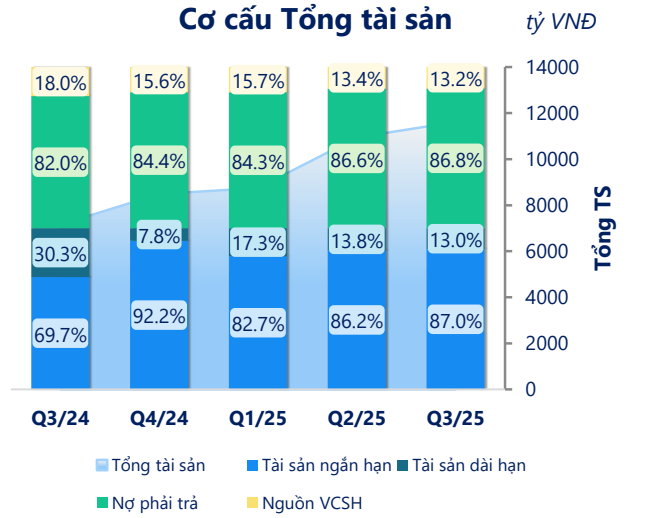
Powered by Infographic

Kết quả kinh doanh



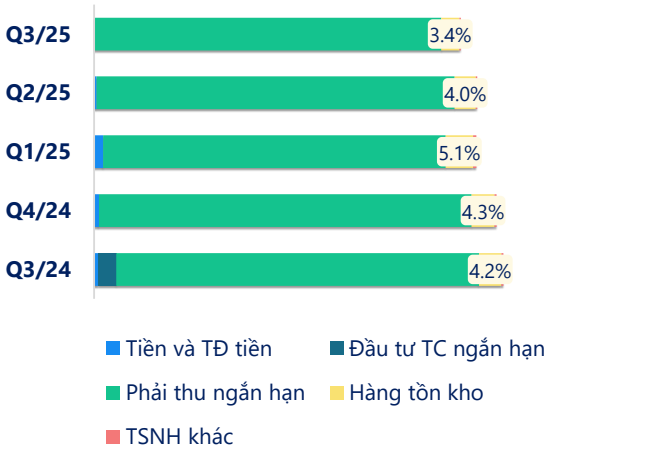
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



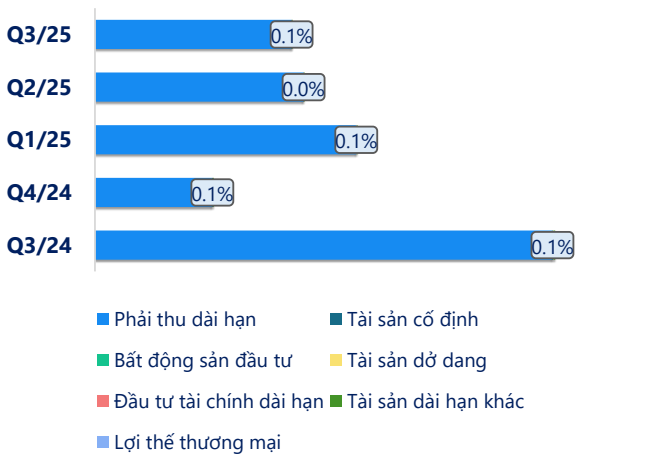
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



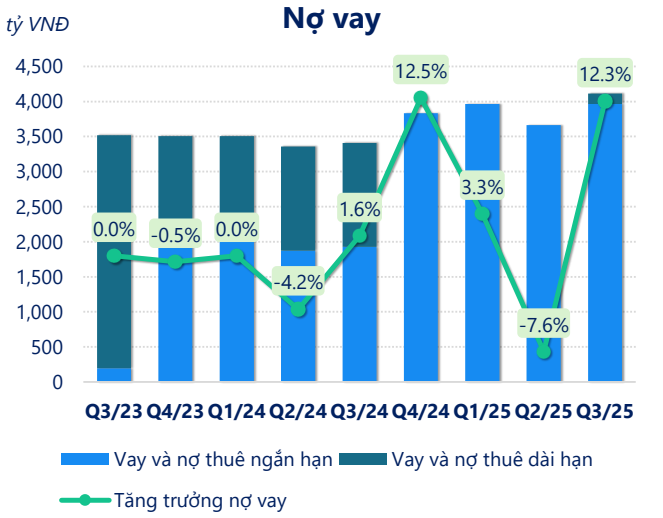
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



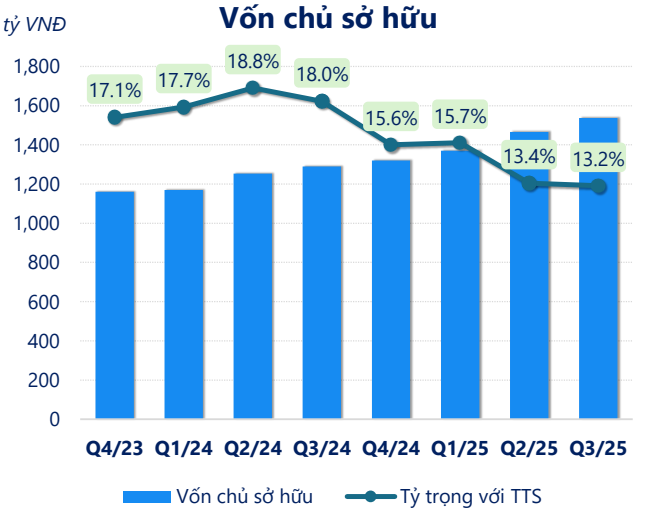
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



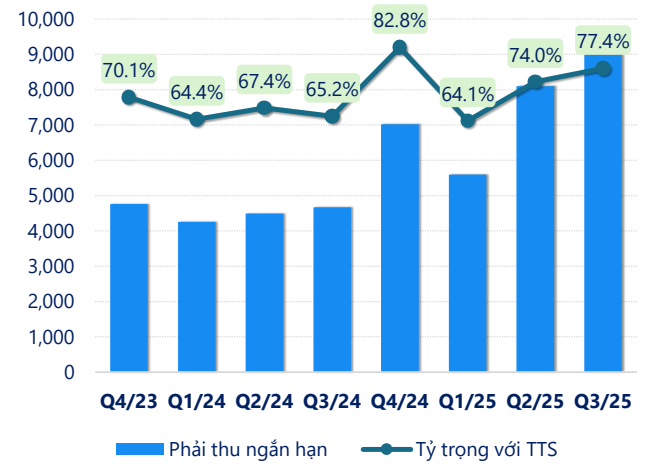
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



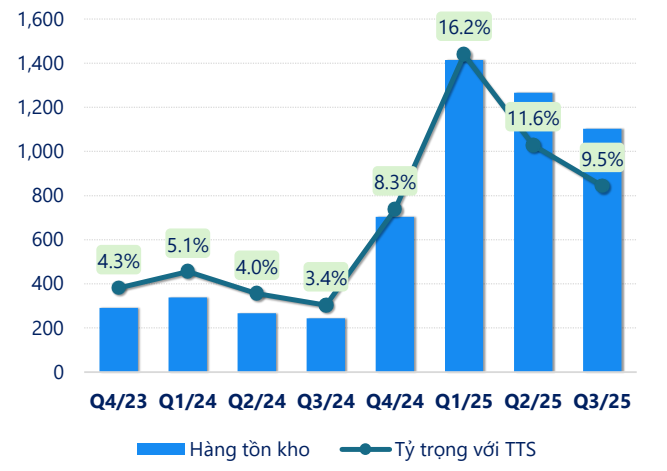
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



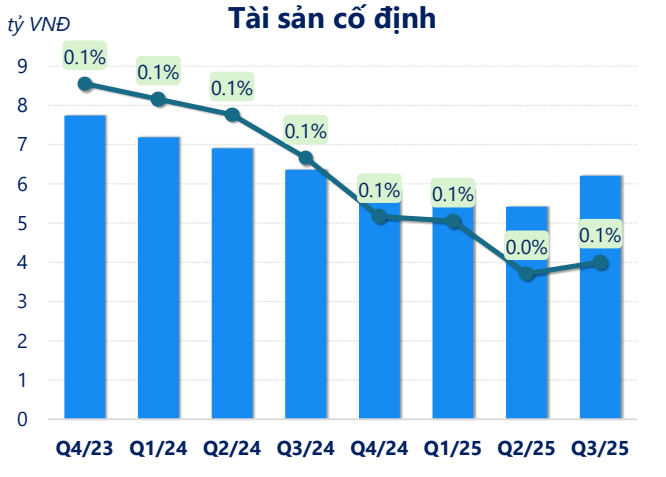
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



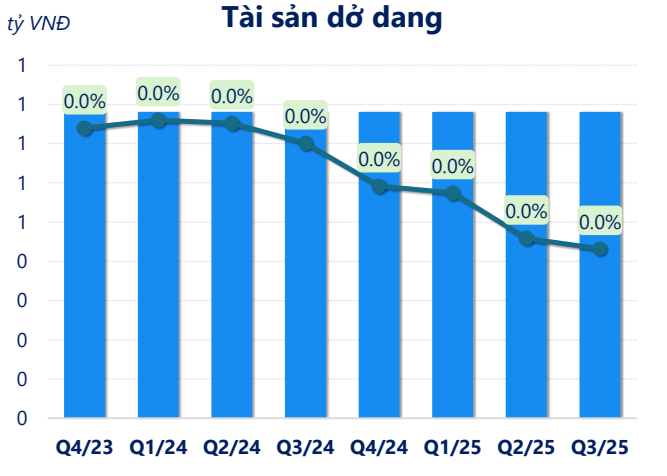
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



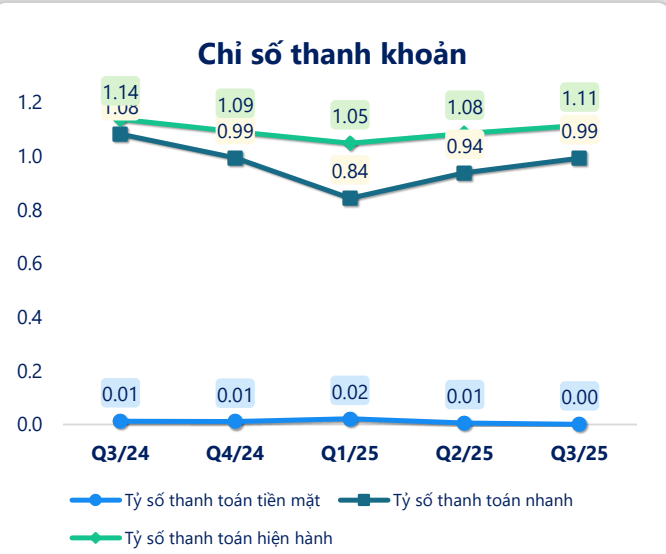
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



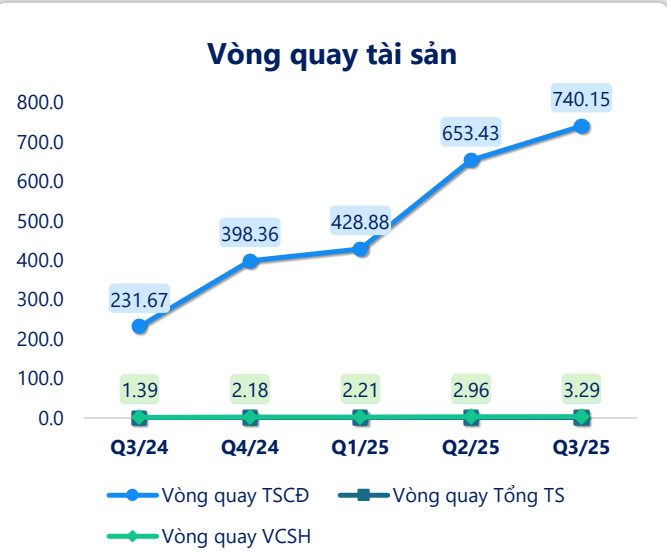
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Tổng tài sản	**7,158**	**8,480**	**8,738**	**10,943**	**11,613**
Tài sản ngắn hạn	**4,989**	**7,815**	**7,227**	**9,431**	**10,102**
Tiền và tương đương tiền	54.2	78.1	148	48.8	6.41
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	0	0	0
Phải thu ngắn hạn	4,669	7,018	5,597	8,102	8,991
Hàng tồn kho	244	704	1,414	1,267	1,103
Tài sản ngắn hạn khác	22.1	15.2	67.4	14.4	0.94
Tài sản dài hạn	**2,169**	**665**	**1,511**	**1,511**	**1,511**
Phải thu dài hạn	2,152	652	1,500	1,500	1,500
Tài sản cố định	6.36	5.84	5.88	5.41	6.20
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	0.78	0.78	0.78	0.78	0.78
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	0	0	0
Tài sản dài hạn khác	9.46	5.61	4.64	5.06	4.47
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	**5,868**	**7,160**	**7,368**	**9,477**	**10,076**
Nợ ngắn hạn	**4,386**	**7,160**	**6,895**	**8,701**	**9,065**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	1,926	3,835	3,963	3,663	3,966
Phải trả người bán ngắn hạn	791	1,055	874	1,048	1,090
Nợ dài hạn	1,482	0	473	777	1,011
Vay và nợ thuê dài hạn	1,482	0	0	0	145
Nguồn vốn chủ sở hữu	**1,290**	**1,319**	**1,370**	**1,465**	**1,537**
Vốn chủ sở hữu	**1,290**	**1,319**	**1,370**	**1,465**	**1,537**
Vốn điều lệ	850	850	850	850	850
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)